

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **09/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/4/2018

V/v Yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tấn Thành – Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Tuy Phong
2. Ông Dương Khắc Hùng – Phó Bí thư huyện Đoàn Tuy Phong

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc: “không công nhận là vợ chồng và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1994, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi nhưng do không am hiểu pháp luật nên bà và ông T không đăng ký kết hôn. Năm 2002 bà và ông T vào xã V, huyện P lập nghiệp và sinh sống cho đến nay. Năm 2013 giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2016 vì không chịu đựng được những lời lẽ xúc phạm và đánh đập của ông T nên bà đã dẫn con đi nơi khác sinh sống. Hiện nay ông T đã có vợ khác và không còn quan tâm đến bà. Nay xét thấy tình cảm giữa bà và ông T đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày: 06/8/1996 đã thành niên, Nguyễn Thị A, sinh ngày: 22/9/2000 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay các cháu đang ở với bà. Nguyên vọng của bà là được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị M tự nguyện sống chung vào năm 1994, hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới hỏi cũng như không đăng ký kết hôn. Khoảng thời gian chung sống giữa ông và bà M rất hạnh phúc. Năm 2002 ông và bà M vào xã V, huyện P lập nghiệp. Đầu năm 2015 thì giữa ông và bà M phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không còn hòa hợp với nhau nên ông bà không tiếp tục sống chung. Nay bà M yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông bà thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà M.

Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày: 06/8/1996 đã thành niên, Nguyễn Thị A, sinh ngày: 22/9/2000 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 28/01/2015. Ông xin nhận nuôi con, không yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà M nhận nuôi con thì ông đồng ý con cho bà M nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ giữa bà Phan Thị M và ông Nguyễn Văn

T là vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị A và Nguyễn Phước T cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn T, xã V, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, bà Phan Thị M và ông Nguyễn Văn T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà M, ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà M và ông T đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông, bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị M và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày: 06/8/1996 đã thành niên, Nguyễn Thị A, sinh ngày: 22/9/2000 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay các cháu đang sống với bà M và có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà M. Nguyện vọng của bà M được nhận nuôi con và không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bà M là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu về việc xin được nuôi con của bà M.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T đồng thuận sẽ tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Phan Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị M và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

3/ Về con chung: Giao cho bà Phan Thị M tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày: 22/9/2000 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 28/01/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà M không được cản trở ông T quyền thăm con.

4/ Về án phí: Bà Phan Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0018970 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà M đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Vĩnh Tân;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Trí